



SOBOK SOBOK

• 소복소복 •

All prices are subject to 8% VAT and 5% service charge
Products shown are for illustration purposes only

모든 가격에는 8%의 부가세 및 5%의 봉사료가 부과됩니다
이 사진은 설명을 위한 것입니다

Giá trên chưa bao gồm 8% VAT và 5% phí phục vụ
Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

所有價格均需另加收 8%增值稅及5%服務費
圖片只供參考

고급 선택

PREMIUM SELECTION

(2-3인용 | GOOD FOR 2-3 PAX)

김치찌개 | 된장찌개 | 순두부찌개

Choice Of: Kimchi Soup | Soybean Soup

Spicy Tofu Soup



대지의 선물

FROM THE LAND | 尊貴烤肉盒 - 2,180

와규 새우살 A5, 일본

RIB CAP WAGYU, A5, BUSHU, JAPAN

CHÓP ĐẦU THÂN NGOẠI BÒ WAGYU, A5,

和牛肉眼頂蓋, 武州, 日本

셰프 추천 와규

CHEF'S CHOICE OF WAGYU

WAGYU THEO LỰA CHỌN CỦA ĐẦU BẾP

主厨精选和牛

와규 꽃등심 A5, 일본

RIBEYE WAGYU, A5, BUSHU, JAPAN

THÂN LƯNG BÒ WAGYU, A5, BUSHU, JAPAN A5

和牛肉眼, 武州, 日本

소양념 갈비

MARINATED BEEF SHORT RIBS

SƯỜN BÒ TẮM ƯỚP

腌牛肋骨

차돌박이

SLICED BEEF BRISKET

GÀU BÒ CẮT MÒNG

牛腩肉片



바다의 선물

FROM THE SEA | 尊貴烤海鮮盒 - 1,250

전복

ABALONE

BÀO NGƯ

鮑魚

그린 홍합

GREEN MUSSEL

VỆM XANH

青口

타이거 새우

TIGER PRAWN

TÔM SÚ

虎蝦

얇게 썬 오징어

SQUID SLICES

MỰC CẮT LÁT

魷魚片



바다와 대지의 선물

SURF & TURF | 頂級肉類海鮮盒 - 2,590

와규 새우살 A5, 일본

RIB CAP WAGYU, A5, BUSHU, JAPAN BUSHU
CHÓP ĐẦU THÂN NGOẠI BÒ WAGYU, A5,
和牛肉眼頂蓋, 武州, 日本

소양념 갈비

MARINATED BEEF SHORT RIBS
SƯỜN BÒ TẮM ƯỚP
醃牛肋骨

이베리코 세크레토 삼겹살

IBERICO SECRETO PANCET
DIÊM THÂN HEO IBERICO
伊比利亞肩肉

대패삼겹살

SLICED PORK BELLY
BA CHÌ HEO CẮT MỎNG
五花肉片

문어

OCTOPUS
BẠCH TUỘC
章鱼

민물장어

RIVER EEL FISH
CÁ CHÌNH SUỐI
河鰻

치즈오븐구이랍스터

LOBSTER WITH CHEESE & KIMCHI TOPPING
TÔM HÙM XỐT PHÔ MAI VÀ KIMCHI
泡菜芝士焗龍蝦

세트 메뉴

KOREAN SET MENU |
THỰC ĐƠN SET | 套餐



김치찌개 | 된장찌개 | 순두부찌개

CHOICE OF: KIMCHI SOUP | SOYBEAN SOUP | SPICY TOFU SOUP
LỰA CHỌN CANH: KIM CHI | ĐẬU TƯƠNG | ĐẬU HŨ CAY
選擇湯品: 泡菜湯 | 韓式大醬湯 | 辣豆



KOLICIOUS

◆ 닭갈비

SPICY SEASONED CHICKEN
GÀ SỐT CAY
韓式辣雞

◆ 대패삼겹살

SLICED PORK BELLY
BA CHỈ HEO CẮT MỎNG
五花肉片

◆ L.A 양념 갈비

MARINATED L.A BEEF RIBS | SƯỜN BÒ L.A TẨM ƯỚP | 醃L.A牛排

◆ 차돌박이

SLICED BEEF BRISKET | GẦU BÒ CẮT MỎNG | 牛腩肉片

◆ 부채살

TOP BLADE | THỊT LỖI VAI BÒ | 板腱牛排

2 Pax | 1,490

4 Pax | 2,480

소고기

BEEF | THỊT BÒ | 牛肉

일본 와규 | JAPANESE WAGYU
WAGYU NHẬT BẢN | 日本和牛

안심 - A5, 200G

TENDERLOIN

THẦN NỘI

菲力

2,500

꽃등심 - A5, 200G

RIBEYE

THẦN LƯNG

肉眼

1,680

KAMICHIKU | 鹿兒島

Kamichiku 와규는 일본 가고시마 현에 위치한 Kamichiku 농장에서 특별히 사육된 와규 소고기를 의미합니다. Kamichiku는 지속 가능한 농법과 고품질 사츠마규 와규로 잘 알려져 있으며, 프리미엄 브랜드인 "사츠마규 4% 미라클"도 포함되어 있습니다. 가고시마는 일본 내 주요 와규 생산지 중 하나이며, Kamichiku는 지역에서 조달한 사료와 지속 가능한 농업에 집중하여 뛰어난 품질의 소고기를 제공합니다.

"Kamichiku Wagyu refers to Wagyu beef specifically raised by Kamichiku Farm in Kagoshima Prefecture, Japan. Kamichiku is known for its sustainable farming practices and high-quality Satsuma Gyu Wagyu, including the premium "Satsuma Gyu 4% Miracle" brand. Kagoshima is a major Wagyu production area in Japan, and Kamichiku's focus on locally sourced feed and sustainable agriculture contributes to the quality of their beef."



채끝등심 - A5, 200G

STRIPLOIN

THẦN NGOẠI

西冷

2,280



소고기

BEEF | THỊT BÒ | 牛肉

일본 와규 | JAPANESE WAGYU
WAGYU NHẬT BẢN | 日本和牛

꽃등심 - A5, 200G

RIBEYE

THẺ LUNG

肉眼

1,780

BUSHU | 武州

"Bushu Wagyu, also known as Bushu-Gyu or "Samurai Beef", is a premium Japanese Wagyu beef from Saitama Prefecture, Japan. It is raised by the Hasegawa family at their family-owned farm, Hasegawa Farms. The cattle are raised on a special diet and are known for their tenderness, rich flavor, and high marbling."

Bushu 와규는 Bushu규 또는 "사무라이 비프" 라고도 불리며, 일본 사이타마 현에서 생산되는 프리미엄 일본 와규입니다. 이 와규는 하세가와 가문이 소유한 하세가와 농장에서 사육됩니다. 소들은 특별한 사료를 먹으며 자라며, 그 부드러움, 풍부한 맛, 그리고 높은 마블링(근내 지방도)으로 유명합니다.





새우살 - A5, 200G

RIB CAP

CHÓP ĐẦU THẺN NGOẠI

肉眼頂蓋

1,880

셰프의 선택 - 200G | 1,380

CHEF'S CHOICE | WAGYU THEO LỰA CHỌN

CỦA ĐẦU BẾP | 主厨精选和牛

소고기

BEEF | THỊT BÒ | 牛肉

호주 와규

AUSTRALIAN WAGYU | WAGYU ÚC | 澳洲和牛

채끝등심 - MB9, 200G

STRIPLOIN

THĂN NGOẠI

西冷

2,280

채끝등심 - MB6, 200G

STRIPLOIN

THĂN NGOẠI

西冷

1,500



STOCKYARD KIWAMI

"We called it "Kiwami" because it means "outstanding excellence" in Japanese. And it's exactly that. With impeccable Japanese Wagyu genetics, Stockyard Kiwami is grain-fed for over 400 days then hand-selected to ensure the most decadent of eating experiences."

우리는 이것을 "Kiwami (極)" 라고 부릅니다. 일본어로 “탁월한 정점”, “최고의 excellence” 를 뜻하기 때문입니다. 그리고 이 이름은 그 의미에 꼭 들어맞습니다. 완벽한 일본 와규 유전자를 지닌 Stockyard Kiwami는 400일 이상 곡물 사료로 사육되며, 최고의 풍미를 선사하기 위해 엄선된 개체만이 선택됩니다. 그 결과, 가장 진하고 고급스러운 미식 경험을 제공하는 와규가 탄생합니다.



시식 플래터

TASTING PLATTER | KHAY NƯỚNG TRẢI NGHIỆM | 品嘗拼盤

와규 꽃등심 - 300G | 2,670

WAGYU RIBEYE | THĂN LƯNG WAGYU | 和牛肉眼



새우살, A5, BUSHU | 꽃등심, A5, BUSHU | 꽃등심, A5, KAMICHIKU

RIB CAP, A5, BUSHU | RIBEYE, A5, BUSHU | RIBEYE, A5, KAMICHIKU

Chóp Đầu Thăn Ngoại, A5, Bushu | Thăn Lưng, A5, Bushu | Thăn Lưng, A5, Kamichiku

肉眼頂蓋, A5, Bushu | 肉眼, A5, Bushu | 肉眼, A5, Kamichiku

와규 채끝등심 - 300G | 3,030

WAGYU STRIPLOIN | THĂN NGOẠI WAGYU | 和牛西冷



채끝등심, A5, Kamichiku | 채끝등심, MB9, Kiwami | 채끝등심, MB6, Kiwami

Striploin A5, Kamichiku | Striploin, MB9, Kiwami | Striploin, MB6, Kiwami

Thăn Ngoại, A5, Kamichiku | Thăn Ngoại, MB9, Kiwami | Thăn Ngoại, MB6, Kiwami

西冷, A5, Kamichiku | 西冷, MB9, Kiwami | 西冷, MB6, Kiwami

소고기

BEEF | THỊT BÒ | 牛肉

백양구이 - 200G

MOUNTAIN CHAIN TRIPE WITH WHITE TRUFFLE OIL

BAO TỬ BÒ NƯỚNG DẦU NẤM TRUFFLE TRẮNG

白松露油醃牛肚

540

대창구이 - 200G

INTESTINE

LÒNG BÒ ƯỚP SỐT TRUYỀN THỐNG

傳統醃牛大腸

520

특양구이 - 200G

MARINATED MOUNTAIN CHAIN TRIPE

BAO TỬ BÒ ƯỚP SỐT TRUYỀN THỐNG

傳統醃牛肚

520





일본산 꽃등심 - 200G

RIBEYE, JAPAN

THẦN LUNG, NHẬT BẢN | 肉眼, 日本

1,380

양념 갈비 - 300G

MARINATED L.A BEEF RIBS L.A

SƯỜN BÒ L.A TẨM ƯỚP | 醃L.A牛排

680

소 양념 갈비 - 300G

MARINATED BEEF SHORT RIBS

SƯỜN BÒ TẨM ƯỚP | 醃牛肋骨

715

미국산 소 우삼겹 - 300G

BEEF BELLY, USA

BA CHI BÒ MỸ | 美國牛五花

520

호주 소 목심 - 200G

BEEF NECK, AUSTRALIA

CỔ BÒ ÚC | 澳洲牛頸肉

780

베트남산 우설 - 300G

BEEF TONGUE, VIET NAM

LƯỠI BÒ VIỆT NAM | 牛舌, 越南

540

돼지고기

PORK | THỊT HEO | 豬肉

돼지 양념 갈비 - 250G

MARINATED PORK SPARERIBS

SƯỜN HEO TẮM ƯỚP

醃排骨

460

항정살 - 200G

PORK JOWL

THỊT NỌNG HEO

豬頸肉

480

삼겹살 - 200G

PORK BELLY

BA CHỈ HEO

五花腩

480

이베리코 세크레토 삼겹살 - 200G

IBERICO SECRETO PANCET

DIỀM THẦN HEO IBERICO

伊比利亞肩肉

720



타이거 새우 - 200G

TIGER PRAWN

TÔM SÚ

虎虾

430

얇게 썬 오징어 - 200G

SQUID SLICES

MỰC CẮT LÁT

魷魚片

450



그린 홍합, 8개

GREEN MUSSEL, 8 PIECES

VỆM XANH, 6 CON

青口, 6隻

410

돼지고기

SEAFOOD | HẢI SẢN | 海鮮

전복, 6개

ABALONE, 6 PIECES

BÀO NGƯ, 8 CON

鮑魚, 8隻

880

수프 / 국 SOUP | MÓN CANH | 湯

김치찌개

SPICY KIMCHI SOUP

CANH KIM CHI | 泡菜湯

순두부찌개

SPICY TOFU SOUP

CANH ĐẬU HŨ CAY | 辣豆腐湯

된장찌개

SOYBEAN SOUP

CANH ĐẬU TƯƠNG | 大醬湯

전통 | 해산물 (오징어, 새우) - 260 | 360

Traditional | Seafood (Squid, Prawns) - Truyền Thống | Hải Sản (Tôm, Mực) - 傳統 | 海鮮 (蝦, 魷魚)



우거지 갈비탕

BEEF SHORT RIB AND CABBAGE SOUP

CANH SUỒN BÒ VÀ CẢI THẢO | 牛肋骨大白菜湯

1,380

육개장

KOREAN SPICY BEEF SOUP

CANH BÒ CAY HÀN QUỐC | 韓式辣牛肉湯

380

뚝배기 불고기

BULGOGI STEWED BEEF SOUP
CANH BÒ HÀM NỒI ĐẤT | 韓式砂鍋炒牛肉湯
380

소 꼬리곰탕

BEEF OXTAIL SOUP
CANH ĐUÔI BÒ | 牛尾湯
520

갈비탕

GALBI SOUP
CANH SUỐN BÒ HÀN QUỐC | 韓式牛骨湯
520

닭도리탕

KOREAN SPICY CHICKEN WITH GLASS NOODLES SOUP
SÚP GÀ CAY VÀ MIẾN HÀN QUỐC | 韓式雞粉絲湯
410

만두국

MANDU SOUP
CANH MANDU | 餃子湯
280

복어국

DRIED POLLACK SOUP
CANH CÁ MINH THÁI | 明太魚乾湯
240



삼계탕 - 980 | 2,280

CHICKEN GINSENG SOUP | CANH GÀ NHÂN SÂM | 人蔘雞湯

전통 | 해산물 (문어, 전복, 홍합)
Traditional | Seafood (Octopus, Abalone, Green Muscle)
Truyền Thống | Hải Sản (Bạch Tuộc, Bào Ngư, Vẹm Xanh)
傳統 | 海鮮 (章魚, 鮑魚, 青口)

미역국 - 220 | 380

SEAWEED SOUP | CANH RONG BIỂN | 海藻湯

소고기 | 전복
Beef | Abalone
Thịt Bò | Hải Sản
牛肉 | 鮑魚

치즈 닭고기 떡볶이

STIR-FRIED CHICKEN AND TOKBOKKI WITH CHEESE

GÀ XÀO BÁNH GẠO PHỦ PHÔ MAI | 起司雞肉焗年糕

360

갈비찜

GALBI JJIM

SƯỜN BÒ HÀM HÀN QUỐC

韓式燉牛肋骨

1,280

고등어구이

SABA FISH

CÁ THU NƯỚNG

烤鯖魚

260

즉석잡채

STIR-FRIED GLASS NOODLES WITH VEGETABLES

MIẾN XÀO RAU CÚ | 雜菜炒粉絲

220

계란찜

KOREAN STYLE STEAMED EGGS

TRÚNG HẤP HÀN QUỐC | 韓式蒸蛋

150



뜨거운 음식

MAIN | MÓN CHÍNH | 主菜

한국식 볶음 - 320 | 320 | 300

KOREAN STIR-FRIED | MÓN XÀO HÀN QUỐC | 韓式炒

소불고기 | 오징어볶음 | 제육볶음

Beef | Squid | Pork

Thịt Bò | Mực | Thịt Heo

牛肉 | 魷魚 | 豬肉

팬케이크 - 220 | 260

PANCAKE | BÁNH XÈO HÀN QUỐC | 煎餅

김치전 | 해물파전

Kimchi | Seafood & Spring Onion

Kim Chi | Hải Sản

泡菜 | 海鮮



비빔밥 - 220 | 300 | 480

BIBIMBAP | CƠM THỐ HÀN QUỐC | 石鍋拌飯

전통 | 해산물 | 바닷가재

Traditional | Seafood | Lobster

Truyền Thống | Hải Sản | Tôm Hùm

傳統 | 海鮮 | 龍蝦

볶음밥 - 220 | 280 | 360

FRIED RICE | CƠM CHIÊN | 炒飯

김치 | 해산물 | 소 양

Kimchi | Seafood | Beef Tripe

Kim Chi | Hải Sản | Bao Tử

泡菜 | 海鮮 | 牛肚

냉면 - 280

KOREAN COLD NOODLES | MÌ LẠNH HÀN QUỐC | 韓式冷麵湯

물/비빔 - Soup / Dry
Nước / Trộn - 湯 / 乾

해물 라면

SEAFOOD RAMEN

BAO TỬ BÒ ƯỚP SỐT TRUYỀN THỐNG | 海鮮拉麵

300

김밥

KIMBAP

CƠM CUỘN HÀN QUỐC | 紫菜包飯

330

비빔국수

BIBIM GUKSU

MỠ TRỘN TRUYỀN THỐNG HÀN QUỐC | 韓式拌麵

250



뜨거운 음식

SIDES | MÓN ĂN KÈM | 配菜

계란말이 - 180

ROLLED OMELET | TRỨNG CUỘN | 卷蛋

멸치볶음 - 150

STIR-FRIED ANCHOVIES | CÁ CỐM XÀO KHÔ | 炒小魚乾

버섯과 야채 구이

THE GARDEN SELECTIONS

RAU CỦ THẬP CẨM | 精選雜菜蘑菇拼盘

150

김치

KIMCHI | 泡菜

160



음료

BEVERAGE

모든 가격에는 10%의 부가세 및 5%의 봉사료가 부과됩니다
All prices are subject to 10% VAT and 5% service charge

Giá trên chưa bao gồm 10% VAT và 5% phí phục vụ
所有價格均需另加收 8%增值稅及5%服務費

청량 음료

REFRESHERS | NƯỚC GIẢI KHÁT | 清爽飲品

히비스커스 알로에 베라차

HIBISCUS ALOE VERA TEA | TRÀ HOA DÂM BỤT VÀ NHA ĐAM | 蘆薈洛神花茶

120

코코넛 맛차

COCONUT MATCHA | MATCHA NƯỚC DỪA | 抹茶椰子冰

120

망고 패션프루트 아이스 티

ICED MANGO PASSION TEA | TRÀ XOÀI CHANH DÂY | 百香果芒果茶

120

리치 로즈 아이스 티

ICED LYCHEE ROSE TEA | TRÀ VẢI HOA HỒNG | 荔枝玫瑰花茶

120

생과일 주스

FRESH JUICE | NƯỚC TRÁI CÂY | 鮮榨果汁

코코넛 | 수박 | 오렌지 - Coconut | Watermelon | Orange

Dừa Trái | Dưa Hấu | Cam - 椰子 | 西瓜 | 橙子

120

탄산음료

SOFT DRINKS | NƯỚC NGỌT | 汽水

70

생수

WATER | NƯỚC ĐÓNG CHAI | 瓶裝水

500ML

750ML

아夸 판나 | 산 펠레그리노 | Acqua Panna | San Pellegrino | 普娜 | 圣培露

140

160

커피 & 차

COFFEE & TEA | CÀ PHÊ & TRÀ | 咖啡 & 茶

라떼

LATTE | 拿鐵

90

아메리카노

AMERICANO | 美式咖啡

70

미니푸어차

PU ER TEA | 普洱茶

100

우롱차

OOLONG TEA | 烏龍茶

100

음료

BEVERAGE

모든 가격에는 10%의 부가세 및 5%의 봉사료가 부과됩니다
All prices are subject to 10% VAT and 5% service charge

Giá trên chưa bao gồm 10% VAT và 5% phí phục vụ
所有價格均需另加收 8%增值稅及5%服務費

소주

SOJU | 燒酒

화요25°	HWAYO 25O RƯỢU SOJU HWAYO 25 ĐỘ 燒酒25度	1,000
화요17°	HWAYO 17O RƯỢU SOJU HWAYO 17 ĐỘ 燒酒17度	900
처음처럼	CHUM CHURUM 初飲初樂	220
진로	CHAMISUL 真露鮮露	220
전통 막걸리	MAKGEOLLI TRADITIONAL RƯỢU GẠO TRUYỀN THỐNG 傳統米酒	220

맥주

BEER | BIA | 啤酒

타이거	TIGER 老虎	90
사이공	SAI GON SPECIAL 西貢	90
하이네켄	HEINEKEN 喜力	120
칭다오	TSINGTAO 青島	130

와인

WINE | RƯỢU VANG | 葡萄酒

GLS

BTL

스파클링

SPARKLING | VANG SỦI BỌT | 氣泡酒

PROSECCO DOC BRUT, TINI, ITALY	180	780
--------------------------------	-----	-----

레드 와인

RED | VANG ĐỎ | 紅酒

CABERNET SAUVIGNON, TARAPACÁ COSECHA, CENTRAL VALLEY, CHILE	165	720
PINOT NOIR, WOODBRIDGE BY ROBERT MONDAVI, CALIFORNIA, USA	240	1,500

화이트 와인

WHITE | VANG TRẮNG | 白酒

SAUVIGNON BLANC, TARAPACA COSECHA, CENTRAL VALLEY, CHILE	165	720
CHARDONNAY, WOODBRIDGE BY ROBERT MONDAVI, CALIFORNIA, USA	240	1,500